TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2022/QĐST-HNGĐ "*V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân*"	*Thanh Miện, ngày 31 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông **Đào Quang Khuyến**.

Thư ký phiên họp: Ông **Bùi Hoàng Anh** -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà **An Thị Hà Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2022/TLST-VDS, ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc "Yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2022/QĐST-VDS ngày 18 tháng 3 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:**

- Uỷ ban nhân dân xã T, M, tỉnh H. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Văn H** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh H. *Có đơn đề nghị xin giải quyết vắng mặt.*

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu giải quyết việc dân sự***: Anh Lê Văn T, sinh ngày 15/11/1979 và Chị Vũ Thị L (tên gọi khác: Vũ Thị M), sinh ngày 20/10/1986.

ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã Tr, huyện M, tỉnh H.

Anh T có mặt, Chị L, *có đơn xin giải quyết vắng mặt.*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Uỷ ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa Anh Lê Văn T và Chị Vũ Thị L (tên gọi khác: Vũ Thị M) vì xác định: Trong giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh H ghi Anh Lê Văn T, sinh ngày 15/11/1979 kết hôn với chị Vũ Thị M, sinh ngày 28/8/1985 không đúng với tên, ngày, tháng, năm sinh của Chị Vũ Thị L (tên gọi khác: Vũ Thị M), được thể hiện trong giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình thì Chị L đều: Vũ Thị L, sinh ngày 20/10/1986. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 12/3/2003, Anh T được 23 tuổi 04 tháng 27 ngày đủ tuổi đăng ký kết hôn. Chị L (tên gọi khác: Miên) được 16 tuổi 04 tháng 22 ngày chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 *"Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên"* mới đủ tuổi đăng ký kết hôn. Để đủ tuổi đăng ký kết hôn Chị L đã khai tăng

tuổi, sinh ngày 28/8/1985 là không đúng với ngày, tháng, năm sinh thực tế của chị, tên trong giấy chứng nhận kết hôn cũng không ghi đúng với tên theo giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, nguyên nhân do của cán bộ làm thủ tục đăng ký kết hôn căn cứ vào giấy khai sinh và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cung cấp mà không yêu cầu họ phải xuất trình chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình để kiểm tra, đối chiếu cho chính xác dẫn đến việc đăng ký kết hôn trái pháp luật. Phát hiện việc đăng ký kết hôn và đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho Anh T, Chị L là trái pháp luật, đại diện UBND xã Tân Trào, ông Phạm Văn H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa Anh T, Chị L; Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu giải quyết việc dân sự Anh T, Chị L trình bày: Anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh H ngày 12/3/2003. Anh T, Chị L khi biết UBND xã T, huyện M có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với anh chị, anh chị cũng xác định việc kết hôn giữa anh và chị, thời điểm đăng ký kết hôn Chị L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi, anh chị đồng ý với yêu cầu của UBND xã T, huyện M và không có ý kiến gì. Việc ghi chị Vũ Thị L ghi tên Vũ Thị M, sinh ngày 28/8/1985 trong Giấy chứng nhận kết hôn là do chị khai để đủ tuổi được đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn Ch, sinh ngày 23/5/2006 và Lê Thành Ch, sinh ngày 29/7/2008. Hiện tại anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc, có 02 con chung, tài sản chung chỉ vì tên, ngày, tháng, năm sinh của Chị L ghi trong giấy chứng nhận kết hôn không khớp nhau dẫn đến cuộc sống của anh chị và các con bị ảnh hưởng trong việc thủ tục hành chính vì vậy anh chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm Chị L đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và Thư ký phiên họp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu của Uỷ ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh H.

Chấp nhận đơn yêu cầu của Anh T, Chị L: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa Anh Lê Văn T, sinh ngày 15/11/1979 và Chị Vũ Thị L (tên gọi khác: Vũ Thị M),

sinh ngày 20/10/1986, tại thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 20/10/2004.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh H không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

Anh T, Chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự nên phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền lệ phí anh chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của người yêu cầu và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] *Về Thẩm quyền giải quyết*: Anh Lê Văn T và chị Vũ Thị Luyên đều có hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Tr, huyện M, tỉnh H. Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh H là nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật cho Anh T, Chị L vì vậy UBND xã T, huyện M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa Anh T, Chị L, căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 12 tháng 3 năm 2003 đã cấp cho Anh T, Chị L. Anh T, Chị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm Chị L đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương thụ lý việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] *Về tố tụng*: Người yêu cầu UBND xã Tân Trào, ông Phạm Văn H, đại diện theo pháp luật, chị Vũ Thị Luyên đều vắng mặt nhưng họ đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên họp là phù hợp với quy định tại khoản 2,3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt họ.

[3] *Về nội dung*: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 12/3/2003) của UBND xã T, huyện M và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của Anh T, Chị L kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ gồm: Giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình của Anh T, Chị L đã có đủ căn cứ chứng minh tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 12/3/2003, Anh T sinh ngày 15/11/1979 được 23 tuổi 04 tháng 27 ngày đủ tuổi đăng ký kết hôn. Chị L (tên gọi khác: Miên), sinh ngày 20/10/1986 được 16 tuổi 04 tháng 22 ngày chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, do vậy Chị L đã khai tăng tuổi sinh ngày 28/8/1985 để đủ tuổi đăng ký kết hôn, trong giấy chứng nhận kết hôn ghi Vũ Thị M. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch cán bộ đăng ký kết hôn không kiểm tra giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình của Chị L, căn cứ vào giấy khai sinh, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã Ngô Quyền, tỉnh Hải Dương, UBND xã T, huyện M đã đăng ký kết hôn cho Anh T, Chị L, tại giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 12 tháng 3 năm 2003; ghi họ

tên vợ Vũ Thị Miên, sinh ngày 28/8/1985 không đúng với tên, ngày, tháng, năm sinh thực tế của Chị L là ngày 20/10/1986. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, tại Điều 9 quy định: "Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên". Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 12/3/2003 Chị L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, việc UBND xã Tân T đã đăng ký kết hôn cho Anh T, Chị L là trái với quy định của pháp luật. Do vậy UBND xã T, huyện M có đơn yêu cầu Tòa án Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận khoản 6, Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại thời điểm yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, Anh T, Chị L đều xác định anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì và có 02 con chung, tài sản chung nhưng vì Tên, ngày, tháng, năm sinh của Chị L không khớp nhau nên đã ảnh hưởng đến làm thủ tục hành chính của gia đình anh chị. Anh T, Chị L đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm Chị L đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy không cần hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa Anh Lê Văn T và chị Vũ Thị L kể từ thời điểm Chị L đủ điều kiện kết hôn là ngày **20/10/2004.**

Ủy ban nhân dân xã T, huyện M có trách nhiệm ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của anh T, Chị L theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014.

Về con chung, tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Vũ Thị L, sinh ngày 20/10/1986 (thể hiện trong giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình) nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn ghi Vũ Thị M, sinh ngày 28/8/1985 và trong giấy khai sinh của cháu Lê Văn Ch, Lê Thành Ch ghi mẹ: Vũ Thị M, sinh năm 1985 chị đã có đơn đề nghị và được UBND xã T, huyện M xác nhận là của cùng một người.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh Lê Văn T, chị Vũ Thị L có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn

thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh H về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của Anh Lê Văn T, Chị Vũ Thị L (tên gọi khác: Vũ Thị M).

2. Chấp nhận yêu cầu của Anh T, Chị L: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa Anh Lê Văn T, sinh ngày 15/11/1979 và Chị Vũ Thị L (tên gọi khác: Vũ Thị M), sinh ngày 20/10/1986; Nơi cư trú: Thôn T, xã Tr, huyện M, tỉnh H kể từ thời điểm Chị L đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày **20** tháng **10** năm **2004**.

3. Về lệ phí:

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Anh Lê Văn T và chị Vũ Thị L phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng Anh T, Chị L đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0004120 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Anh T và Chị L đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh Lê Văn T có quyền kháng cáo quyết định, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. UBND xã T; Người đại diện theo pháp luật. Ông Phạm Văn H- Chủ tịch UBND xã; chị Vũ Thị L, vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Những người yêu cầu;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Đào Quang Khuyến